

Số: 96/2018/QĐST- HNGĐ

Ninh Hải, ngày 05 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị L – sinh năm: 1991.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn M – sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Khu phố KG, Thị trấn KH, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điều 55, điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 28/8/2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 28/8/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị L và ông Nguyễn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Trương Thị L có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T sinh ngày 16/01/2016 và cháu Nguyễn Thanh G, sinh ngày 12/8/2017. Ông Nguyễn M có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000^d (một triệu đồng)/1 tháng/1 người con. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu T, cháu G đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo

lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trương Thị L phải chịu 150.000^d (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0015720 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Hoàn trả lại cho bà Trương Thị L số tiền chênh lệch là 150.000^d (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn M phải chịu 150.000^d (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV);
- UBND xã Tri Hải

Thẩm phán

Trần Thị Thu Hằng

